

Phụ lục I
THỰC HIỆN YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2025
của UBND tỉnh Nam Định)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (Do nước thải sau xử lý của cơ sở sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của khu công nghiệp (KCN) Hòa Xá không xả thải trực tiếp ra môi trường).

- Đã có thỏa thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Hòa Xá theo văn bản đã ký với Trung tâm Phát triển hạ tầng và Tư vấn đầu tư khu công nghiệp tỉnh Nam Định (trước đây là Công ty phát triển và khai thác hạ tầng KCN tỉnh Nam Định) tại Hợp đồng dịch vụ số 04/2018/HDDV-XLNT ngày 01/10/2018 để xử lý nước thải từ QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) sang QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) trước khi thải ra ngoài môi trường (Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện theo đúng nội dung văn bản đã ký kết).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom bằng đường ống nhựa $\Phi 110$ xuống bể tự hoại, sau đó cùng với nước thoát sàn chảy theo đường ống $\Phi 160$ về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải từ bồn rửa tay nhà ăn được thu gom theo đường ống nhựa $\Phi 160$ về bể tách dầu mỡ để tách mỡ, sau đó theo đường ống $\Phi 160$ chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động xưởng giặt được thu gom bằng đường ống nhựa $\Phi 160$ dẫn về hệ thống xử lý nước thải trung công suất thiết kế $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải từ xả đáy lò hơi được thu gom bằng đường ống nhựa $\Phi 60$ dẫn về hệ thống xử lý nước thải trung công suất thiết kế $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý.

Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi thải ra công thu gom nước thải của KCN Hòa Xá, thành phố Nam Định. Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện theo đúng nội dung đã ký tại Hợp đồng dịch vụ số 04/2018/HDDV-XLNT ngày 01/10/2018.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công trình xử lý nước thải sơ bộ

+ Hệ thống bể tự hoại 03 ngăn: Chủ cơ sở đã xây dựng 03 bể tự hoại 3 ngăn (02 bể tại xưởng sản xuất, 01 bể tại khu vực nhà bảo vệ và y tế) để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh, tổng thể tích 03 bể tự hoại là 52,4 m³.

+ Bể tách dầu mỡ tại khu nhà ăn với thể tích 2,6 m³.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Chủ cơ sở đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 50 m³/ngày.đêm với quy trình công nghệ xử lý như sau: Nước thải → Bể tách dầu mỡ và lắng cát → Bể điều hoà kết hợp vi sinh hiếu khí → Bể lắng sơ cấp → Bể trung gian 1 → Bể keo tụ tạo bông → Bể lắng nghiêng tấm lamen → Bể trung gian 2 → Cụm lọc áp lực → Bể khử trùng kết hợp rửa lọc → Hồ ga (Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)) → Cổng thu gom nước thải của KCN Hoà Xá phía Nam nhà máy.

- Hóa chất sử dụng: Hóa chất keo tụ PAC khoảng 1,44 tấn/năm; hóa chất keo tụ Polime khoảng 0,15 tấn/năm; hóa chất khử trùng Clorin khoảng 0,31 tấn/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý nước thải và được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành trạm xử lý nước thải tập trung.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống thu gom nước thải; đầu tư trang thiết bị dự phòng như: Máy bơm, máy sục khí, máy khuấy trộn,... ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

- Theo dõi hoạt động, có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc.

- Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, Công ty tạm dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, thông báo kịp thời với Trung tâm Phát triển hạ tầng và Tư vấn đầu tư KCN; đồng thời cử cán bộ kiểm tra sửa chữa, khắc phục sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục, nước thải xử lý đạt quy chuẩn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) mới cho hệ thống hoạt động trở lại và thải ra cổng thu gom nước thải của KCN Hòa Xá.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 06 tháng (dự kiến từ Quý I/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 50 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- 01 mẫu nước thải tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- 01 mẫu nước thải sau xử lý tại hố ga sau bể khử trùng trước khi thải ra công thu gom nước thải của KCN Hòa Xá phía Nam nhà máy.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Chất lượng nước thải trước khi thải công thu gom nước thải của KCN Hòa Xá phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) với nồng độ tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải (C_{max}) cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị tối đa cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			C	C_{max}		
1	pH	-	5,5 - 9	5,5 - 9	06 tháng/lần (02 lần/năm) theo cam kết của Chủ cơ sở	Không thuộc đối tượng phải thực hiện
2	Nhiệt độ	°C	40	40		
3	Độ màu	Pt/Co	150	150		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	108		
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	54		
6	COD	mg/l	150	162		
7	Sunfua	mg/l	0,5	0,54		
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	10,8		
9	Tổng Nitơ	mg/l	40	43,2		
10	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6	6,48		
11	Sắt	mg/l	5	5,4		
12	Chì	mg/l	0,5	0,54		
13	Tổng phenol	mg/l	0,5	0,54		
14	Clo dư	mg/l	2	2,16		
15	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	10,8		
16	Coliform	VK/100ml	5.000	5.000		

(Ghi chú: $C_{max} = C \times K_f \times K_q$ (Áp dụng hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$; đối với các thông số pH, Coliform, nhiệt độ, độ màu thì $C_{max} = C$)

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Ít nhất 01 ngày/lần (01 mẫu nước thải tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải tập trung và ít nhất 01 mẫu nước thải sau xử lý tại hố ga sau bể khử trùng trước khi thải ra công thu gom nước thải của KCN Hoà Xá) trong 03 ngày liên tiếp

(quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Chủ cơ sở phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm nước thải xử lý đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 phần B Phụ lục này trước khi thải ra cống thu gom nước thải của KCN Hoà Xá. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của nhà máy. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), lượng điện tiêu thụ, loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh (nếu có). Nhật ký vận hành (bằng tiếng Việt) và lưu giữ tối thiểu 02 năm theo quy định.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Phối hợp với Trung tâm Phát triển hạ tầng và Tư vấn đầu tư KCN tỉnh kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải sau xử lý và đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo quy định trước khi xả vào nguồn tiếp nhận./.